ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 104 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 28 tháng 4 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2023

Thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Công văn số 1064/BTTTT-KTS&XHS ngày 31/3/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số năm 2023; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số

- Phấn đấu kinh tế số chiếm từ 10% GRDP của tỉnh;

- Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 2%;

- Phấn đấu năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%;

- Tỷ lệ cửa hàng số cho người bán và tài khoản người mua trên các sàn thương mại điện tử đạt trên 70%;

- Duy trì tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%;

- Phấn đấu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 100%.

2. Phát triển xã hội số

- Phấn đấu tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 75%;

- Phấn đấu tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại di động thông minh đạt 85%;

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 75%;

- Phấn đấu tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 15%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kỹ năng số cơ bản đạt 50%;

- Phấn đấu tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 30%;

- 100% người dân và doanh nghiệp được Trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh;

- 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý; 60% trường học, cơ sở giáo dục sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí;

- 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số; 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt;

- Trên 90% người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

1.1. Thể chế

a) Ban hành đầy đủ các văn bản để chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, văn bản của cơ quan Trung ương về phát triển kinh tế số và xã hội số phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số.

1.2. Hạ tầng

a) Tổ chức triển khai chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch.

b) Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, khu vực dân sinh trên toàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Phát triển nền tảng bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

1.3. Nền tảng số

a) Tổ chức triển khai xây dựng nền tảng số dùng chung cho các ngành lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, cửa khẩu số trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông suốt, tránh đầu tư chồng chéo, lãng phí.

1.4. Dữ liệu số

a) Tổ chức triển khai phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường, nội vụ, thông tin và truyền thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng; bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

b) Tổ chức triển khai xây dựng kho dữ liệu dùng chung (Data Lake) phục vụ phân tích, dự báo hỗ trợ quá trình ra quyết định của tỉnh, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

c) Đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số.

1.5. Nhân lực số

a) Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về chuyển đổi số, bồi dưỡng quản trị mạng nội bộ và bảo mật, an toàn, an ninh thông tin, quản trị Cổng/Trang thông tin điện tử, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, kiến trúc chính quyền điện tử.

b) Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

c) Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số để triển khai.

1.6. Kỹ năng số, công dân số

a) Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh và Tổ công nghệ số cộng đồng.

b) Triển khai các chương trình tập huấn hướng dẫn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng để thúc đẩy cài đặt, sử dụng app "Công dân số Xứ Lạng".

c) Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn và có giá sử dụng chữ ký phù hợp thu nhập của người dân.

1.7. Doanh nghiệp số

a) Đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và tổ hợp tác chuyển đổi số; xây dựng các tài liệu đào tạo, hướng dẫn

chuyển đổi số; triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp đầu ngành trong chuyển đổi số, phát triển và nhân rộng nền tảng số ngành, tạo hệ sinh thái số trong các ngành, lĩnh vực.

c) Thực hiện có hiệu quả Chương trình số 05/CTr-UBND ngày 07/02/2022 của UBND tỉnh về xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

d) Triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp.

1.8. Thanh toán số

a) Tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 24/4/2022 của UBND tỉnh thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

b) Triển khai Chương trình phát triển tài khoản thanh toán điện tử qua các dịch vụ ngân hàng trên địa bàn toàn tỉnh.

1.9. An toàn thông tin mạng

Thực hiện hai nguyên tắc bảo đảm an toàn, an ninh mạng: hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn, an ninh mạng chưa đưa vào sử dụng; hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

a) Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp dịch vụ số được bảo đảm sẵn về an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

b) Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

c) Tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện các mô hình bảo vệ.

d) Tổ chức triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như một chỉ dẫn quan trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.

e) Bảo đảm, xác thực thông tin trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kết nối để phục vụ việc xác nhận mức độ bảo đảm, xác thực của danh tính số của người dân.

g) Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

2.1. Nông nghiệp và nông thôn

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng nông nghiệp số gắn liền với nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông thôn hiện đại, nông dân chuyên nghiệp, văn minh. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân.

b) Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản.

c) Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

d) Tổ chức triển khai nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

đ) Tổ chức triển khai mô hình xã chuyển đổi số, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

e) Tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống hội nông dân các cấp; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sàn giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

2.2. Y tế

a) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách trong y tế để cơ sở khám, chữa bệnh có bộ phận chức năng và cung cấp dịch vụ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; khai thác sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Thúc đẩy, khuyến khích bệnh viện đồng thời cũng là doanh nghiệp công nghệ số về y tế; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào y tế số; tuyên truyền người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

c) Tổ chức triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, giúp giảm tải các cơ sở y tế, khám, chữa bệnh kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

d) Tổ chức triển khai thí điểm hồ sơ bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Văn Lãng, Trung tâm Y tế huyện Tràng Định tiến tới triển khai tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh với mục tiêu đến năm 2030 tất cả các bệnh viện và Trung tâm Y tế huyện sử dụng bệnh án điện tử thay cho bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; triển khai nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổ chức triển khai nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất trên địa bàn tỉnh. Các kết quả xét nghiệm trong hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh.

e) Tổ chức triển khai nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở, nền tảng quản lý trạm y tế xã thống nhất trên địa bàn tỉnh.

g) Tổ chức triển khai nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân, mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân để hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị. Hồ sơ sức khỏe điện tử được cập nhật thường xuyên, lưu lại thông tin về tình trạng sức khỏe người dân trong suốt cuộc đời.

h) Thúc đẩy phát triển các nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến, kết nối người dân với bác sĩ tư vấn.

2.3. Giáo dục và đào tạo

a) Triển khai nền tảng dạy, học trực tuyến cho học sinh, sinh viên, giáo viên; thí điểm Nền tảng học, thi trực tuyến môn ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh.

b) Tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy. Tạo cơ chế thí điểm các sản phẩm, dịch vụ mới đột phá, hỗ trợ đào tạo nhanh, hiệu quả.

c) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về giáo dục và đào tạo số tại các cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục và đào tạo.

2.4. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

b) Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

2.5. Thương mại, công nghiệp

a) Thương mại

- Quản lý, giám sát hoạt động của các nền tảng thương mại điện tử; chống hàng nhái, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển: hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo; tăng cường liên kết thương mại điện tử giữa các vùng miền.

- Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để góp phần đưa mỗi một người dân thành một doanh nhân. Đào tạo kỹ năng số cho tất cả mọi người dân trên địa bàn tỉnh, trao cơ hội tiếp cận với thương mại điện tử nhằm xóa đói giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch về thu nhập. Hỗ trợ phát triển các sàn thương mại điện tử của tỉnh, tăng cường khuyến mãi, giảm chi phí vận chuyển…. nhằm thu hút nhu cầu mua sắm trên các sàn thương mại điện tử của tỉnh.

b) Công nghiệp

- Tổ chức triển khai điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; triển khai mô hình chuyển đổi số tới các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, qua đó dẫn dắt phong trào chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp sản xuất.

- Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; tăng cường liên kết kinh doanh theo mô hình hợp tác tiên tiến giữa các doanh nghiệp sản xuất với đối tác trong nước và nước ngoài để tạo ra các giá trị mới, chia sẻ mạng lưới dịch vụ và tài nguyên dữ liệu, thông tin.

2.6. Du lịch

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch, mỗi doanh nghiệp du lịch là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số;

phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ du lịch; phát triển các nền tảng số kết nối cung và cầu về du lịch.

b) Tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch.

c) Tổ chức triển khai nền tảng du lịch thông minh, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong tỉnh với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch. Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch.

d) Tổ chức triển khai có hiệu quả các nền tảng phục vụ Bảo tàng số, Thư viện số và phần mềm di sản.

2.7. Tài nguyên và môi trường

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

b) Tổ chức triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên phát triển nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số, sử dụng phương thức, công nghệ số nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng tương tác, phục vụ minh bạch hóa, đảm bảo cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin về tài nguyên môi trường cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng góp phần phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

2.8. Các ngành, lĩnh vực khác

Đối với các ngành, lĩnh vực khác, tập trung phát triển kinh tế số và xã hội số trong từng ngành, lĩnh vực theo hướng thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, tăng cường sự chỉ đạo chiến lược và khai thác linh hoạt nguồn lực tài chính cho hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số, hình thành hệ sinh thái kinh tế số, xã hội số ngành, lĩnh vực. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số ngành, chuyển đổi số mạnh mẽ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ ngành, lĩnh vực; phát triển các nền tảng số ngành phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

b) Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành,

lĩnh vực; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho doanh nghiệp và người dân.

c) Tổ chức triển khai nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành; kết nối, liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và Nhà nước, giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước; tạo môi trường hình thành các dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ sinh thái kinh doanh trên không gian mạng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Cơ chế, chính sách, tổ chức, bộ máy

a) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định quản lý và các văn bản phát triển kinh tế số, xã hội số; các hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

b) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện chống độc quyền, chống mua bán, sáp nhập làm ảnh hưởng tới cạnh tranh lành mạnh trong kinh tế số trên địa bàn tỉnh; tăng cường quy định để tránh các doanh nghiệp chi phối lạm dụng; tổ chức giám sát thực thi pháp luật bảo đảm nguyên tắc thực thi công bằng, trách nhiệm như nhau trước pháp luật đối với cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài.

c) Tiếp tục duy trì các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn tỉnh.

2. Hợp tác trong nước và ngoài nước

a) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số; trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

b) Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nội dung Kế hoạch.

3. Nghiên cứu, phát triển

a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số để phát triển các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số, tạo lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) Hỗ trợ thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới, khởi nghiệp về kinh tế số; thí điểm áp dụng các mô hình doanh nghiệp công nghệ chuyên ngành tham

gia cung cấp các dịch vụ chuyên môn các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo.

d) Xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

4. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số tỉnh Lạng Sơn và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, du lịch Lạng Sơn ở trong nước và nước ngoài.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

5. Đo lường, giám sát triển khai

Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này.

6. Bảo đảm kinh phí

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp, dự án thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

b) Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan để triển khai Kế hoạch.

c) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Kế hoạch. Các đơn vị có nguồn kinh phí được để lại theo quy định ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện Kế hoạch phù hợp quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch; định kỳ hàng năm, trước ngày 15/12 tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện.

b) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, điểm b nội dung 1.1, nội dung 1.8, nội dung 1.9 khoản 1 Mục II và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Hướng dẫn các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh, các đơn vị có Cổng/Trang thông tin điện tử,... đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính xem xét khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tổng hợp kế hoạch (danh mục) dự án đầu tư công báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a nội dung 1.7 khoản 1 Mục II và các giải pháp tại điểm c,d khoản 3 Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6 Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan để triển khai Kế hoạch.

b) Thực hiện các giải pháp tại khoản 6 Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b nội dung 1.5 khoản 1 Mục II và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm c nội dung 1.5 khoản 1 Mục II.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ sở đào tạo thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b nội dung 1.5 khoản 1 Mục II.

c) Chủ động phối hợp với ngành ngân hàng trên địa bàn trong việc đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

d) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản.

b) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sở Y tế

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa, nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, nền tảng trạm y tế xã.

b) Chủ động phối hợp với ngành ngân hàng trên địa bàn trong việc đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Sở Công Thương

a) Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng sàn thương mại điện tử.

b) Thực hiện các nội dung khác thuộc kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quản trị và kinh doanh du lịch.

b) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu cho UBND tỉnh đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Công an tỉnh

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại điểm c nội dung 1.4 khoản 1 Mục II; triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử; thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh, bảo đảm quyền và lợi ích của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế số, xã hội số.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng bản đồ số; thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

13. Ngân hàng Nhà nước Việt nam Chi nhánh Lạng Sơn

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán hiện đại theo hướng dẫn của Hội sở, hoạt động an toàn, hiệu quả; tăng cường kết nối liên thông, tích hợp với các hệ thống khác để đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt

14. Cục Thống kê tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 5 Mục III;

b) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

15. Cục Thuế tỉnh

a) Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh; thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

16. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

a) Chủ động tổ chức, triển khai, thực hiện Kế hoạch phù hợp chức năng nhiệm vụ được giao.

b) UBND các huyện, thành phố phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại điểm 1.6, 1.7, 1.8 khoản 1, khoản 2 Mục II; bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển kinh tế số, xã hội số địa phương mình; có giải pháp ưu tiên chi cho chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

c) Kiểm tra, đánh giá, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Kế hoạch. Chủ động, tích cực trong việc phản biện chính sách, pháp luật; phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh: chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Sở Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

- Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã tỉnh: tuyên truyền, chỉ đạo hệ thống tổ chức thành viên chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ kinh tế số và xã hội số.

18. Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Kế hoạch một cách thường xuyên, định kỳ hàng tuần, hàng tháng; thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

19. Các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, giao nhiệm vụ các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

a) Căn cứ vào nội dung Kế hoạch để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu, bổ sung vào chương trình đào tạo các bộ môn chuyên ngành, nội dung kiến thức, kỹ năng mới phù hợp với nhu cầu nhân lực công nghệ thông tin, công nghệ số trong 05 - 10 năm tới.

c) Huy động tối đa các nguồn lực hiện có, kết hợp với các chương trình, dự án khác, khai thác hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước để đào tạo nhân lực về công nghệ số, kinh tế số và xã hội số.

d) Tăng cường hàm lượng thực hành trong đào tạo các chuyên ngành công nghệ số, kinh tế số, xã hội số, đưa các nền tảng số, công nghệ số, đặc biệt là các nền tảng số của Việt Nam, công nghệ mở vào giới thiệu trong các chương trình đào tạo để sinh viên có điều kiện thực hành và tiếp cận thực tế.

đ) Tích cực triển khai chuyển đổi số toàn diện, tham gia xây dựng và triển khai thí điểm cao đẳng số.

e) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b nội dung 1.5 khoản 1 Mục II; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng dạy, học trực tuyến; thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ.

20. Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông - Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

a) Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông – công nghệ thông tin ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng

khắp đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với Nhà nước tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

b) Các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm tiên phong chuyển đổi số, phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành; chuyển đổi thành các doanh nghiệp công nghệ số, hình thành hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ số xung quanh mảng kinh doanh lõi.

c) Các doanh nghiệp công nghệ số chủ động phát triển các nền tảng số, tham gia Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia, giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng hệ sinh thái nội dung hấp dẫn, lành mạnh để tạo thói quen trực tuyến cho người dân.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;

} Báo cáo

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TV BCĐ CĐ số tỉnh tại QĐ 2041/QĐ-UBND;
- UB MTTQ, các tổ chức CT – XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước VN chi nhánh LS;
- Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh;
- Các doanh nghiệp: VNPT, Bưu điện tỉnh, Viettel LS, ViettelPost, Mobifone LS;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh, các phòng: KGVX, THNC, TTTHCB;
- Lưu: VT, KGVX(HTHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên